

PHỤ LỤC 2

Danh mục ý kiến trả lời của Bộ Nội vụ về quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật

(Gửi kèm theo Công văn số /BNV-PC ngày tháng năm 2025 của Bộ Nội vụ)

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
1	Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai	1. Luật Bình đẳng giới ngày 29/11/2006	Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có quy định rõ ràng về phân cấp trách nhiệm cụ thể giữa tỉnh – huyện – xã. Đề nghị chỉnh sửa lại các quy định về thẩm quyền này để đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Luật Bình đẳng giới năm 2006 chỉ quy định chung trách nhiệm, Nghị định số 70/2008/NĐ-CP (điều 5, 6, 7) quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Đề nghị địa phương triển khai thực hiện.	
		2. Điều 16, 21, 29 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025	Các điều khoản trên chỉ quy định chung về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND cấp xã, không cụ thể hóa theo quy mô, đặc điểm từng loại hình đơn vị hành chính. Sau khi sáp nhập, một số xã có quy mô rộng, dân số đông nhưng vẫn áp dụng thống nhất quy định như các xã	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Luật TCCQPĐP số 72/2025/QH15 đã quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND đối với xã, phường, đặc khu (tại các mục 3, 4 5 Chương IV). Mặt khác việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND cấp xã trong các lĩnh	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			thông thường, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quản lý điều hành		vực còn thực hiện theo quy định của các luật chuyên ngành, các nghị định của Chính phủ, Thông tư của các bộ, cơ quan ngang bộ (Hiện nay đang thực hiện theo 29 nghị định, 63 thông tư về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của CQĐP 02 cấp).	
2	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	3. Điểm a Khoản 1 Điều 36 Bộ Luật Lao động	Điểm a khoản 1 Điều 36 Bộ Luật Lao động 2019 quy định về quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ của Người sử dụng lao động, theo đó, Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ trong trường hợp sau: "Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành nhưng phải tham khảo ý kiến tổ chức	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động 2019 quy định người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện người lao động ở cơ sở đối với nơi có tổ chức lao động tại cơ sở.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở". Khái niệm "thường xuyên không hoàn thành công việc" chưa được quy định rõ trong các văn bản pháp luật, từ đó nhiều doanh nghiệp có các quy định khác nhau dẫn đến chưa thống nhất trong cách đánh giá mức độ thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ.		Quy định nêu trên là cần thiết, thống nhất với quy định về chính sách của Nhà nước về lao động (Điều 4 Bộ luật Lao động năm 2019), bảo đảm quyền của người sử dụng lao động về tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động, quyền của người lao động về được tham vấn nơi làm việc để bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của mình; đồng thời phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp với đa lĩnh vực, ngành nghề với các đặc điểm riêng biệt về tổ chức sản xuất, cơ cấu tổ chức dẫn đến những yêu cầu, đòi hỏi khác nhau đối với từng vị trí làm việc, công việc của người lao động.	
		4. Khoản 2 Điều 11 Nghị định 28/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp - Khoản 6	- Khoản 2 Điều 11 Nghị định 28/2015/NĐ-CP quy định "Trường hợp người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo	- Trong quá trình xây dựng Luật Việc làm (sửa đổi) trình Quốc hội thông	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		Điều 42 Quyết định 595/QĐ-BHXH ban hành ngày 14/04/2017 Quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	hoặc ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên không hưởng tiền lương tháng tại đơn vị mà hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã giao kết theo quy định của pháp luật thì người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp trong thời gian này." - Khoản 6 Điều 42 Quyết định 595/QĐ-BHXH quy định: "Người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì đơn vị và người lao động không phải đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN, thời gian này được tính là thời gian đóng BHXH, không được tính là thời gian đóng BHTN và được cơ quan BHXH đóng BHYT cho người lao động.". Như vậy, việc quy định người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng được tính là thời gian đóng BHXH nhưng không được tính là thời gian	trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	qua, cũng có một số ý kiến của đại biểu về việc sửa đổi quy định trường hợp người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì thời gian này được tính là thời gian đóng BHTN, người sử dụng lao động và người lao động không phải đóng BHTN để thống nhất quy định của bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, do tính chất của chính sách BHTN khác với BHXH, BHTN là loại hình bảo hiểm ngắn hạn, có tính chia sẻ rủi ro cao, số đông bù số ít và hoàn toàn khác với bảo hiểm xã hội bắt buộc mang tính chất dài hạn, tích lũy để hưởng về sau. Do đó, cách vận hành 2 chính sách này là sẽ khác nhau.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>đóng BHTN là chưa đồng bộ. Việc không được tính là thời gian đóng BHTN sẽ thiệt thòi cho Người lao động khi người lao động nghỉ việc và hưởng BHTN.</p>		<p>Do vậy, để đảm bảo các nguyên tắc đóng hưởng và nguyên tắc chia sẻ rủi ro của BHTN và đảm bảo công bằng giữa các đối tượng tham gia, cơ quan soạn thảo đã có giải trình và được các cơ quan của Quốc hội đồng ý. Ngày 16/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật Việc làm số 74/2025/QH15, trong đó tại khoản 2 Điều 31 quy định người lao động đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng theo quy định của Chính phủ hoặc đủ điều kiện hưởng lương hưu; người lao động đang làm việc theo hợp đồng thử việc theo quy định của pháp luật lao động; người lao động là người giúp việc gia đình thì không thuộc đối tượng tham gia BHTN.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					<p>Ngoài ra, khoản 4 Điều 33 Luật Việc làm quy định người lao động không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không phải đóng BHTN của tháng đó.</p> <p>Như vậy, theo các quy định nêu trên thì người lao động nghỉ hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên không thuộc đối tượng tham gia BHTN và thời gian này không được tính là thời gian đóng BHTN.</p>	
		<p>5. Điều 20 Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết một số điều của luật ATVSLĐ về hoạt động kiểm định kỹ thuật ATLĐ, VSLĐ và quan trắc MTLĐ: Chương trình khung và chương trình, tài liệu huấn luyện</p>	<p>1. Chưa quy định cụ thể về hình thức huấn luyện và kiểm tra/sát hạch trên các phần mềm đối với các khóa học an toàn, vệ sinh lao động. 2. Điều 20: Chương trình khung và chương trình, tài liệu huấn luyện Chưa quy định cụ thể về hình thức huấn luyện và kiểm tra/sát hạch trên các phần mềm</p>	<p>Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025</p>	<p>Khoản 2 Điều 20 của Nghị định đã quy định “2. Tổ chức huấn luyện, doanh nghiệp tự huấn luyện căn cứ chương trình khung huấn luyện, xây dựng chương trình, tài liệu huấn luyện phù hợp với đặc điểm, điều kiện và yêu cầu thực tế huấn luyện”.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			đối với các khóa học an toàn, vệ sinh lao động.		<p>Quy định trên bảo đảm tính linh hoạt, không bắt buộc huấn luyện theo hình thức nào, doanh nghiệp có thể tự quyết định hình thức huấn luyện, kiểm tra nhưng phải đảm bảo việc người học là thật, việc huấn luyện là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đối với các nội dung mà pháp luật quy định bắt buộc phải huấn luyện thực hành và huấn luyện trực tiếp tại nơi làm việc (đây là đặc thù riêng của huấn luyện ATVSLĐ) thì không huấn luyện bằng phần mềm được. Do đó, việc kiểm tra sát hạch nếu có nội dung thực hành thì không thể sử dụng bằng hình thức phần mềm. Doanh nghiệp cần bảo đảm việc học và kiểm tra người học và thi là thật, tránh việc thi hộ, và đảm bảo sự thiết</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					thực, tránh biến tướng, huấn luyện hình thức dẫn đến chất lượng không bảo đảm, không có ý nghĩa trong việc phòng chống tai nạn lao động.	
		6. Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 44/2025/NĐ-CP: Đối với doanh nghiệp lỗ thì mức tiền lương kế hoạch tối đa bằng 50% mức lương cơ bản	Khi đó 50% mức lương cơ bản sẽ thấp hơn so với mức lương chế độ quy định tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP, với mức tiền lương này là chưa phù hợp với mục tiêu cải cách tiền lương.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Nội dung phản ánh này không phải điểm nghẽn, không phải nội dung vướng mắc cần xử lý. Lý do: Luật 68/2025/QH15 đã giao cho doanh nghiệp toàn quyền quyết định quỹ tiền lương; mức tiền lương của Hội đồng thành viên và các chức danh quản lý của doanh nghiệp do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định và Luật chỉ giao Chính phủ quy định đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					<p>đại diện vốn, Kiểm soát viên.</p> <p>Theo đó, ngày 30/7/2025 Bộ Nội vụ đã có Tờ trình số 5706/TTr-BNV trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước, trong đó Chính phủ chỉ quy định mức tiền lương tối đa để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định mức tiền lương được hưởng cụ thể của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên, trường hợp doanh nghiệp sản</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					<p>xuất kinh doanh không hiệu quả dẫn đến lỗ thì mức tiền lương tối đa bằng 50% mức lương cơ bản. Mức tiền lương này vẫn cao hơn so với mức lương chế độ theo quy định trước đây tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP, cụ thể: (i) mức lương thấp nhất của Chủ tịch doanh nghiệp lỗ (mức 4 nhóm I) = 53.000.000 x 50% = 26.500.000 đồng; (ii) mức lương Chủ tịch Tập đoàn lỗ theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP là 9,1 x 2.340.000 = 21.294.000 đồng.</p>	
3	Đoàn Luật Sư Hà Nội	7. Khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động	Vấn đề về chấm dứt hợp đồng lao động do thay đổi cơ cấu, công nghệ đối với các thành viên cấp cao trong doanh nghiệp Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục	- Quy định của pháp luật về lao động đảm bảo nguyên tắc là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, người lao động, không có sự	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>lao động với các thành viên cấp cao trong doanh nghiệp, có thể nghiên cứu đơn giản hóa trình tự này vì những lý do sau đây: • Tăng tính linh hoạt cho doanh nghiệp: Các vị trí lãnh đạo thường gắn với cơ cấu tổ chức. Khi doanh nghiệp tái cấu trúc hoặc áp dụng công nghệ mới, việc nhanh chóng điều chỉnh bộ máy giúp tiết kiệm chi phí và tối ưu hiệu quả quản trị. • Phù hợp với thực tế hoạt động: Các thay đổi về công nghệ hoặc mô hình tổ chức thường cần thực hiện nhanh để bắt kịp thị trường. Thủ tục rườm rà có thể cản trở doanh nghiệp triển khai chiến lược kịp thời. Thực tế đối với những lao động cấp quản lý việc giữ người đã khó và việc sa thải khi không còn phù hợp lại khó hơn nhiều, gây rất nhiều bức xúc cho cả hai phía và người lao động liên quan, và rất nhiều khi người lao động quản lý đòi hỏi mức thỏa thuận để chấm dứt ngoài sức tưởng tượng, và có thể đi làm hưởng lương nhiều tháng nhưng thực tế</p>	rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	<p>phân biệt giữa người lao động là thành viên cấp cao hay không phải là thành viên cấp cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định này nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi việc làm bị ảnh hưởng do doanh nghiệp thay đổi cơ cấu, công nghệ. - Quy định đã rất đơn giản (khi xây dựng phương án sử dụng lao động, người sử dụng lao động chỉ phải trao đổi ý kiến với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và thông báo công khai cho người lao động biết). - Thực tiễn thực hiện thời gian qua, Bộ Nội vụ không nhận được ý kiến, kiến nghị của đơn vị, doanh nghiệp phản ánh về vấn đề này. 	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			không đóng góp gì mà ngược lại doanh nghiệp phải cử người theo dõi, hướng dẫn. • Vẫn đảm bảo quyền lợi người lao động: Dù thủ tục được đơn giản hóa, doanh nghiệp vẫn phải thông báo trước, chi trả đầy đủ chế độ theo luật, nên không ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người lao động.			
		8. Điều 93 Bộ luật Lao động	Vấn đề về xây dựng thang, bảng lương Theo quy định tại Điều 93 BLLĐ 2019 thì người sử dụng lao động phải xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động, thỏa thuận mức lương theo công việc hoặc chức danh ghi trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động. Tuy nhiên, trên thực tế, việc xây dựng và đăng ký đòi hỏi rất chi tiết, tốn rất nhiều thời gian, trong khi hiệu quả áp dụng thực tế gần như không có. Việc này không có giá trị áp dụng thực tế vì doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Việc pháp luật lao động quy định doanh nghiệp phải xây dựng thang lương, bảng lương là cần thiết. Đây là căn cứ để doanh nghiệp tuyển dụng, sử dụng lao động, thỏa thuận mức lương theo công việc hoặc chức danh ghi trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động. Đồng thời, Bộ luật Lao động hiện không quy định doanh nghiệp phải đăng ký thang lương, bảng lương với cơ quan quản lý nhà nước.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			thường tăng lương hàng năm và mức tăng thường cao hơn nhiều, phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, cạnh tranh về nhân lực và việc giữ nhân lực cũng như triển vọng phát triển. Từ đó, đề xuất việc bỏ xây dựng thang, bảng lương cho doanh nghiệp để giảm tải nghĩa vụ cho doanh nghiệp.			
4	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	9. Khoản 2, Điều 107, Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14.	Quy định cứng số giờ làm thêm không quá 40 giờ/tháng là không hợp lý, không khả thi với các ngành sản xuất có tính thời vụ, phụ thuộc tiến độ dự án. Điều này gây khó khăn cho việc bố trí sản xuất của doanh nghiệp và hạn chế cơ hội tăng thu nhập của người lao động, dù tổng số giờ làm thêm năm vẫn trong giới hạn cho phép (200-300 giờ/năm). Đề nghị sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 107 theo hướng linh hoạt hơn: Quy định tổng số giờ làm thêm theo quý (ví dụ: không quá 120 giờ/quý) thay vì theo tháng, hoặc cho phép thỏa thuận làm thêm vượt 40 giờ/tháng nhưng	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là nội dung lớn cần được đánh giá toàn diện: Việc bỏ quy định giới hạn làm thêm theo tháng mà chỉ quy định giới hạn làm thêm theo quý dẫn đến nguy cơ DN có thể bố trí ngay 120 giờ làm thêm dày đặc trong 1 tháng, ví dụ 120 giờ/tháng, rồi giảm nhẹ ở các quý còn lại. Việc này làm tăng nguy cơ kiệt sức, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp do cường độ làm việc vượt quá khả năng chịu đựng sinh học trong thời gian ngắn của người lao động, Dễ gây căng thẳng, mệt mỏi, giảm năng suất ở những tháng sau, đi ngược lại	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			không quá 60 giờ/tháng, với điều kiện tổng số giờ làm thêm trong năm không vượt quá giới hạn quy định.		với xu hướng quốc tế về bảo vệ sức khỏe người lao động.	
		10. Khoản 2 Điều 16 Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 nay đã được sửa đổi tại Nghị định số 04/2023/NĐ-CP, ngày 13 tháng 02 năm 2023	“Khai báo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa phương trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động”. Việc chưa quy định cụ thể những trường hợp máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động khi đưa vào sử dụng là lần đầu hay sau chuyển nhượng hay sau sửa chữa/cải tạo thì phải khai báo gây khó khăn cho người thực hiện.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Theo khoản 2 Điều 30 Luật An toàn, vệ sinh lao động: “Khi đưa vào sử dụng ... tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tại nơi sử dụng”. Theo khoản 2 Điều 30 Luật An toàn, vệ sinh lao động nêu trên và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, quy định này không có mâu thuẫn, chồng chéo, việc khai báo chỉ thực hiện 1 lần đối với mỗi tổ chức, cá nhân khi đưa vào sử dụng tại địa phương (tính theo cấp tỉnh).	
		11. Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 ban hành 30 quy trình kiểm	Tại các quy trình kiểm định được đề cập trong Thông tư, hiện đang định nghĩa về các trường hợp	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới	Đây không phải nội dung mâu thuẫn, chồng chéo:	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ LĐTBXH	kiểm định an toàn bắt thường trong đó có nội dung “sau khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo có ảnh hưởng tới tình trạng an toàn của thiết bị”. Nội dung định nghĩa như trên hiện đang gây khó khăn cho các đơn vị sử dụng thiết bị, do chưa liệt kê cụ thể những hạng mục công việc/chi tiết/bộ phận của các thiết bị.	VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Về nội dung này, Bộ Nội vụ đang tiến hành rà soát 30 quy trình kiểm định được ban hành tại Thông tư số 54/2016/TT-BLĐTBXH. Để điều chỉnh các quy trình kiểm định cần phải được nghiên cứu kỹ về mặt kỹ thuật nghiệp vụ và kỹ thuật của thiết bị; phải có đánh giá từ thực tiễn triển khai và trình độ kỹ thuật phù hợp trong nước. Vì vậy, Cục Việc làm dự kiến sẽ đề xuất sửa đổi các quy trình này trong năm 2026	
5	Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng	12. Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP	- Có quỹ chưa thực hiện việc kiện toàn tổ chức, bộ máy của quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP. - Báo cáo định kỳ về tổ chức, hoạt động, tài chính với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền còn chưa đảm bảo thời gian; chưa thực hiện đăng ký mã số thuế, kê khai thuế theo quy định. Việc tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực tham gia ủng hộ, hỗ trợ xây	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Những nội dung phản ánh đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 136/2024/NĐ-CP.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>dụng nguồn tài chính của các tổ chức quỹ còn nhiều hạn chế, chưa có giải pháp tăng cường tài chính quỹ... Quá trình thực hiện phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, một số quy định chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Nghị định số 93/2019/NĐ-CP mới chỉ quy định mục đích thành lập quỹ nhằm hỗ trợ, khuyến khích phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, khoa học, công nghệ, cộng đồng và từ thiện, nhân đạo, không vì mục tiêu lợi nhuận; chưa có quy định cụ thể về lĩnh vực môi trường và một số lĩnh vực khác. - Hiện nay đang có xu hướng gia tăng đề nghị thành lập quỹ gắn với tên riêng của cá nhân, tổ chức có dấu hiệu vụ lợi hoặc gắn liền với tên các đồng chí nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc anh hùng dân tộc và các chức sắc, tổ chức tôn giáo trong khi Nghị định số 93/2019/NĐ-CP chưa có quy định về vấn đề này. Nghị định số 93/2019/NĐ-CP chưa quy định cụ thể về tài liệu chứng minh tính</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>hợp pháp của trụ sở quỹ. Bên cạnh đó, Nghị định 93/2019/NĐ-CP chỉ quy định các quỹ được thành lập từ các nguồn tài sản hiến, tặng hoặc theo hợp đồng ủy quyền, di chúc mà tổ chức quyên góp và nhận tài trợ thì hàng năm phải dành tối thiểu 5% tổng số tài sản để tài trợ cho các chương trình, dự án phù hợp với mục đích hoạt động của quỹ nhưng chưa áp dụng quy định này đối với các quỹ còn lại. Đề nghị: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 93/2019/NĐ-CP, cụ thể: - Thứ nhất, quy định nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức, hoạt động của các quỹ. - Thứ hai, quy định nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quỹ xã hội, quỹ từ thiện. - Thứ ba, phân cấp thẩm quyền giải quyết các thủ tục về quỹ theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		13. Luật tổ chức chính quyền địa phương và Luật ban hành văn bản QPPL	Luật tổ chức chính quyền địa phương và Luật ban hành văn bản QPPL không có quy định việc xử lý đối với văn bản của cấp huyện sau chính quyền địa phương cấp huyện khi kết thúc hoạt động.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 đã quy định việc xử lý đối với văn bản của cấp huyện sau chính quyền địa phương cấp huyện khi kết thúc hoạt động tại Điều 3 quy định chuyển tiếp (do đó, tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 không quy định lại để tránh trùng lặp).	
		14. Điều 13,14 Luật tổ chức chính quyền địa phương	Khoản 4 Điều 13 quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp có quyền tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản phân cấp; đề nghị cơ quan, cá nhân phân cấp điều chỉnh nội dung phân cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, cá nhân phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; định kỳ báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Luật TCCQĐP đã quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, cá nhân phân cấp về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Do đó, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được ủy quyền để thực hiện nhiệm vụ mà mình được phân cấp. Đối với quy định về ủy quyền, chủ thể được ủy quyền chịu trách nhiệm trước người ủy	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>phân cấp. Khoản 5 Điều 14 quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận ủy quyền có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền điều chỉnh nội dung, phạm vi, thời hạn ủy quyền; không được ủy quyền tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được ủy quyền. Như vậy, theo quy định trên: cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp không được phân cấp tiếp, không có nội dung quy định có được ủy quyền tiếp đối với các thẩm quyền được phân cấp không?; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được ủy quyền không được ủy quyền tiếp, không có nội dung quy định có được phân cấp tiếp đối với các thẩm quyền được ủy quyền không? Quy định trên gây khó khăn, lúng túng và có nhiều luồng quan điểm khác nhau cho các cơ quan khi triển khai thực hiện. Đề nghị Trung ương có hướng dẫn cụ thể về nội dung này.</p>		<p>quyền, do đó, không được phân cấp nhiệm vụ mà mình được ủy quyền.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		15. Điều 5 Nghị định số 12/2011/NĐ-CP	Điều 5. Thẩm quyền thành lập, giải thể và quản lý thanh niên xung phong, Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ: Về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong: 1. Thanh niên xung phong chỉ được thành lập khi cần huy động thanh niên để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này trong thời gian từ 24 tháng trở lên. 2. Thẩm quyền thành lập, giải thể và quản lý thanh niên xung phong được quy định như sau: a) Thanh niên xung phong ở Trung ương do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quyết định thành lập, giải thể và quản lý; b) Thanh niên xung phong ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung thanh niên xung phong cấp tỉnh) do Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, thành quyết định thành lập, giải thể và quản lý. 3. Việc thành lập thanh niên xung phong phải được sự chấp thuận của cơ quan	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	1. Quy định về kiện toàn tổ chức bộ máy thanh niên xung phong do tỉnh, thành đoàn căn cứ nhu cầu lập hồ sơ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy trình quy định; còn việc kiện toàn bộ máy thực hiện nhiệm vụ QLNN về thanh niên (Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã - nay là Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã) quy định tại Quyết định số 1331 là tổ chức bộ máy thực hiện theo Thông báo số 327-TB/TW ngày 16/4/2010 của Ban chấp hành Trung ương, có sự điều chỉnh cho phù hợp với chính quyền 2 cấp do vậy 2 quy định này không mâu thuẫn, chồng chéo như kiến nghị của Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng 2. Tại thời điểm xây dựng và trình ban hành Nghị định số 17/2021/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đã đề xuất xây dựng Nghị	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 4. Bộ Nội vụ hướng dẫn về trình tự, thủ tục thành lập, giải thể và quản lý thanh niên xung phong quy định tại Nghị định này. Điều 7a, mục IV, Điều 1 tại Quyết định số 1331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/7/2021 Ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021- 203: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về thanh niên theo phân cấp quản lý. Điều 7đ, mục IV, Điều 1 tại Quyết định số 1331/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/7/2021 Ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2023: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên các cấp; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn,</p>		<p>định quy định về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong để thay thế Nghị định số 12/2011/NĐ-CP, tuy nhiên quy định này không phù hợp với Quyết định số 1109/QĐ-TTg ngày 24/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ</p> <p>3. Về trình tự và thủ tục thành lập đơn vị thanh niên xung phong đã được quy định cụ thể tại Thông tư số 11/2011/TT-BNV ngày 26/9/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 12/2011/NĐ-CP.</p> <p>4. Từ thực tế triển khai Nghị định số 12/2011/NĐ-CP (Tổng số các đơn vị TNXP được thành lập, quản lý hiện đang duy trì hoạt động là 29 đơn vị, tổ chức TNXP tại Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>ngành vụ. Ngày 09/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 17/2021/NĐ-CP quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện. Tuy nhiên, Nghị định số 17/2021/NĐ-CP chưa quy định về tổ chức thanh niên xung phong và chính sách đối với tổ chức thanh niên xung phong mà tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ. Đồng thời, Chính phủ chưa có văn bản hướng dẫn quy định để xác định loại hình đơn vị đối với tổ chức Thanh niên xung phong là đơn vị sự nghiệp công lập hay đơn vị sự nghiệp kinh tế. Một số nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án tại Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Chính phủ chưa có văn bản triển khai, thực hiện. Chưa có hướng dẫn về việc kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước</p>		<p>12 tỉnh, thành phố. Các đơn vị, tổ chức TNXP được thành lập sau khi Nghị định 12/2011/NĐ-CP ban hành là 07 đơn vị; đã giải thể là 07 đơn vị ở các tỉnh, thành phố), cho thấy có sự chông chéo, không phù hợp về chức năng, nhiệm vụ; về xác định mô hình hoạt động của đơn vị; về thẩm quyền thành lập, quản lý... trong thời gian tới, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Trung ương Đoàn và các địa phương đánh giá những ưu điểm, hạn chế của mô hình tổ chức thanh niên xung phong, từ đó báo cáo cấp có thẩm quyền việc giải thể hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức thanh niên xung phong phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước</p> <p>5. Trước mắt, để quy trình thành lập và giải thể đơn vị thanh niên xung phong ở</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>về thanh niên phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển thanh niên trong giai đoạn mới. Đề nghị Trung ương ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về thanh niên xung phong; theo đó, quy định cụ thể loại hình đơn vị đối với các tổ chức thanh niên xung phong tại địa phương để thống nhất áp dụng chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong theo quy định Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm triển khai một số nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án để Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Chính phủ để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ được giao; có hướng dẫn về việc kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên phù hợp với mô hình chính quyền 02 cấp, đáp</p>		<p>Trung ương và địa phương phù hợp với hoạt động của tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh sau khi sáp nhập vào Mặt trận Tổ quốc, Bộ Nội vụ sẽ rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2011/TT-BNV vào năm 2026 theo trình tự thủ tục rút gọn.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		16. Điều 39, Thông tư số 06/2025/TT-BNV	<p>ứng yêu cầu phát triển thanh niên trong giai đoạn mới.</p> <p>- Điều 39, Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 quy định về quản lý tài liệu trong trường hợp giải thể, phá sản hoặc kết thúc hoạt động: 1. Tài liệu lưu trữ vĩnh viễn được nộp vào lưu trữ lịch sử theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Thông tư 06. 2. Tài liệu khác được quản lý như sau: a) Trường hợp chia cơ quan, tổ chức thành các cơ quan, tổ chức mới, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của cơ quan, tổ chức, bàn giao tài liệu cho cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp để quản lý Việc quy định “bàn giao tài liệu cho cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp để quản lý” chưa thể hiện rõ ràng là “cơ quan cấp trên trực tiếp trước khi chia cơ quan, tổ chức mới, đồng thời chấm dứt sự tồn tại hoạt động của cơ quan, tổ chức” hay “cơ quan cấp trên trực tiếp sau khi chia”. Chính vì quy định chưa rõ</p>	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		17. Khoản 2, Điều 14, Thông tư số 06/2025/TT-BNV	<p>ràng dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau, thực hiện không thống nhất.</p> <p>- Khoản 2, Điều 14, Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 quy định về huỷ tài liệu tại Lưu trữ lịch sử ở cấp tỉnh: “Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh gửi Sở Nội vụ văn bản đề nghị huỷ tài liệu lưu trữ kèm theo Danh mục tài liệu hết thời hạn lưu trữ, trùng lập và Bản thuyết minh tài liệu hết thời hạn lưu trữ, trùng lập”. Khoản 1, Điều 13, Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 quy định về huỷ tài liệu tại lưu trữ hiện hành: “Cơ quan, tổ chức gửi văn bản đề nghị thẩm định tài liệu hết thời hạn lưu trữ, trùng lập kèm theo các văn bản: Quyết định thành lập Hội đồng xét huỷ tài liệu lưu trữ; Danh mục tài liệu hết thời hạn lưu trữ, trùng lập; Bản thuyết minh tài liệu hết thời hạn lưu trữ, trùng lập; Biên bản họp Hội đồng</p>	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>xét huỷ tài liệu lưu trữ” Như vậy: Đối với tài liệu lưu trữ hiện hành thì cơ quan đó phải thành lập Hội đồng và họp để xét huỷ nhưng đối với Lưu trữ lịch sử thì bỏ qua bước này. Trên thực tế, tài liệu tại Lưu trữ lịch sử rất quan trọng và phức tạp do đây là tài liệu do cơ quan khác nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử nên việc thành lập Hội đồng xét huỷ và tổ chức họp để xét huỷ là những khâu rất quan trọng cần có về trình tự, thủ tục huỷ tài liệu tại lưu trữ lịch sử. Đề nghị bổ sung thêm quy trình: Quyết định thành lập Hội đồng xét huỷ tài liệu lưu trữ và Biên bản họp Hội đồng xét huỷ tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh; bổ sung vào hồ sơ gửi Sở Nội vụ xem xét huỷ.</p>			
6	Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên	18. Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 36, điểm c khoản 4 Điều 42 Luật Thi đua khen thưởng	Tiêu chuẩn có “thành tích đặc biệt xuất sắc” để khen thưởng cho các hình thức khen thưởng khác nhau đối với cá nhân là không rõ ràng, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành	Các nội dung được phản ánh nêu trên đều được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn,	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>luật do không có tiêu chí cụ thể, mức độ ảnh hưởng cụ thể của từng thành tích cho từng hình thức khen thưởng nên không có căn cứ để đề nghị xét tặng, khó thực hiện hoặc thực hiện không thống nhất. Đề xuất: bổ sung cụ thể các thành tích được coi là đặc biệt xuất sắc trong từng lĩnh vực: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc lĩnh vực khác để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có căn cứ đề nghị khen thưởng</p>	VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	<p>vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	
		19. Điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Thi đua, khen thưởng	<p>Tiêu chuẩn xét tặng "Huân chương Hồ Chí Minh" và "Huân chương Độc lập" hạng Nhất cho cá nhân giống nhau là không phù hợp, không rõ ràng, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật do không quy định tiêu chuẩn cụ thể về thành tích, mức độ ảnh hưởng của thành tích đối với 02 hình thức khen thưởng này nên không có căn cứ để đề</p>	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	<p>Các nội dung được phản ánh nêu trên đều được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			nghị xét tặng, khó thực hiện hoặc thực hiện không thống nhất. Đề xuất: bổ sung các tiêu chí cụ thể cho thành tích "đặc biệt xuất sắc" để làm căn cứ xét tặng 02 hình thức khen thưởng nêu trên.		bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	
		20. Điểm b khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Thi đua, khen thưởng	Tiêu chuẩn xét tặng "Huân chương Độc lập" hạng Nhất và "Huân chương Độc lập" hạng Nhì cho cá nhân giống nhau là không phù hợp, không rõ ràng, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật do không quy định tiêu chuẩn cụ thể về thành tích, mức độ ảnh hưởng của thành tích của 02 hình thức khen thưởng này nên không có căn cứ đề nghị xét tặng, khó thực hiện hoặc thực hiện không thống nhất. Đề xuất: bổ sung các tiêu chí cụ thể cho thành tích "đặc biệt xuất sắc" để	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Các nội dung được phản ánh nêu trên đều được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			làm căn cứ xét tặng 02 hình thức khen thưởng nêu trên		mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung đề báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	
		21. Khoản 6 Điều 73 Luật Thi đua, khen thưởng	Tiêu chuẩn "có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội" để tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ là không rõ ràng, gây khó khăn cho việc áp dụng, triển khai thực hiện. Đề xuất: quy định cụ thể mức độ đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội để địa phương có căn cứ đề nghị xét tặng.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Các nội dung được phản ánh nêu trên đều được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung đề báo	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	
		<p>22. Điểm c khoản 2 Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng - Khoản 1 Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 1 Điều 7 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 5 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng</p>	<p>Các VBQPPL của Trung ương quy định xét tặng khen thưởng quy định việc xét tặng hoặc đề nghị xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức. Do vậy, bên cạnh việc tổ chức cụm, khối thi đua thuộc tỉnh, UBND tỉnh phải tổ chức cụm, khối thi đua các phòng, ban, đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mới được xét tặng, đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng là không phù hợp với tình hình thực tế do cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sự biến động, không ổn định nhất là các doanh nghiệp. Đề xuất: quy định UBND tỉnh tổ chức cụm, khối thi đua thuộc tỉnh và ủy quyền cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức cụm, khối thi đua thuộc, trực thuộc. Đồng thời, thực hiện khen thưởng đối với</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>Các nội dung được phản ánh nêu trên đều được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		23. Điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng	<p>cum, khối thi đua thuộc tỉnh và cum, khối thi đua thuộc, trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị.</p> <p>Tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đối với tập thể: Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc". Như vậy, trong cùng 1 thời điểm (kết thúc năm học hoặc năm công tác), tập thể đó vừa đạt tiêu chuẩn "02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" để đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, vừa đạt tiêu chuẩn đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" thì việc trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng được thực hiện như thế nào? Cụ thể: (1) Trường hợp 1: Có được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng đồng thời cho tập thể đó Bằng khen (căn cứ tiêu chuẩn 02 năm HTXSNV) và</p>	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Các nội dung được phản ánh nêu trên đều được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (căn cứ tiêu chuẩn HTXSNV của năm học, năm công tác) hay không? (2) Trường hợp 2: Nếu tập thể đó được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" trong trường hợp 1 thì sau đó, có được tiếp tục đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen căn cứ tiêu chuẩn 02 năm đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" hay không?</p>			
7	Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng	24. Điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022	<p>Tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng có nội dung quy định "... không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;...". Quy định này chưa được hướng dẫn cách hiểu rõ ràng; trong quá trình áp dụng quy định này có cách hiểu như sau: thành tích (bao gồm cả sáng kiến) nếu đã được dùng để đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng rồi thì sẽ không được tiếp tục dùng để đề</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>Nội dung được phản ánh nêu trên được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>ngợi khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn do bị trùng thành tích. Tuy nhiên, Luật thi đua, khen thưởng quy định khen thưởng công trạng là loại hình khen thưởng theo tiêu chuẩn thành tích được tích lũy (từ thấp đến cao) và dùng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thấp hơn để làm tiêu chuẩn, điều kiện. Nếu thực hiện theo cách hiểu này thì các tập thể, cá nhân không thể đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đề nghị khen thưởng theo công trạng.</p>		<p>đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	
		<p>25. Khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 3 và khoản 4 Điều 34, khoản 2 và khoản 3 Điều 35, khoản 2 và khoản 3 Điều 36, khoản 2 và khoản 3 Điều 37, khoản 2 và khoản 3 Điều 38, khoản 2 và khoản 3 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 40, khoản 2 và khoản 3 Điều 41, khoản 2 Điều 45, khoản 2 Điều 46, khoản 2 Điều 47, điểm b khoản 2</p>	<p>Tại các khoản này có nội dung quy định "... tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh..."; tuy nhiên, Luật Thi đua, khen thưởng không quy định cụ thể số năm tổ chức đảng, đoàn thể đạt trong sạch vững mạnh, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau đối với quy định này, cụ thể: - Cách hiểu thứ nhất: Số năm tổ chức đảng, đoàn thể được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh (hoặc</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>Nội dung được phản ánh nêu trên được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		Điều 48, điểm b khoản 2 Điều 49, điểm b khoản 2 Điều 50, điểm đ khoản 2 Điều 62, điểm đ khoản 2 Điều 63 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022	hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) tương ứng với số năm lập được thành tích theo tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng. Ví dụ tập thể đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn có liên tục từ 05 năm trở lên... thì tương ứng trong 05 năm đó tổ chức đảng, đoàn thể phải được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh (hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ). - Các hiểu thứ hai: Tại thời điểm đề nghị khen thưởng, chỉ cần cấp có thẩm quyền xác nhận tổ chức đảng, đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh trên cơ sở kết quả quá trình lập thành tích của tập thể hoặc dùng kết quả tổ chức đảng, đoàn thể được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của năm cuối trong các năm tính thành tích để đề nghị khen thưởng theo quy định. Do đó, việc áp dụng quy định này trong đề nghị khen thưởng đối với các tập thể còn gặp khó khăn, vướng mắc.		ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		<p>26. Điểm a khoản 4 Điều 34; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 3 Điều 37; điểm a khoản 3 Điều 38; điểm a khoản 3 Điều 39; điểm a khoản 3 Điều 40; điểm a khoản 3 Điều 41; điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 4 Điều 42; điểm đ khoản 1 và điểm đ khoản 4 Điều 43; điểm e khoản 1 và điểm đ khoản 4 Điều 44; điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 45; điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 46; điểm c khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 47, điểm b khoản 1 và điểm e khoản 4 Điều 73 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022</p>	<p>Tại các điểm này có quy định “và có” hoặc “sau đó có” liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị ... Việc áp dụng quy định này có nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể: - Cách hiểu thứ nhất: tập thể hoặc cá nhân đã được tặng một hình thức khen thưởng thì liên kế tiếp theo ngay sau năm đó phải có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với cá nhân) hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”/ “Đơn vị quyết thắng” (đối với tập thể)... - Cách hiểu thứ hai: tập thể hoặc cá nhân được tặng một hình thức khen thưởng thì không nhất thiết liên kế tiếp theo ngay sau năm đó, mà chỉ cần thời gian sau đó tính đến thời điểm xét có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (đối với cá nhân) hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”/</p>	<p>C. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>Nội dung được phản ánh nêu trên được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung đề báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		27. Khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022	<p>“Đơn vị quyết thắng” (đối với tập thể)...</p> <p>Tại khoản này có quy định “Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định”. Tuy nhiên, Điều 9 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 chỉ quy định 07 hình thức khen thưởng; không có nội dung nào quy định về các hình thức khen thưởng khác, cũng không giao cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định về các hình thức khen thưởng khác, nên trên thực tế không thể thực hiện được.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>Nội dung được phản ánh nêu trên được quy định tại Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn những khó khăn, vướng mắc. Bộ Nội vụ ban hành văn bản số 2537/BNV-TĐKT ngày 19/5/2025 về việc sơ kết, đánh giá thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng gửi các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, Bộ Nội vụ sẽ tiếp tục tổng hợp những khó khăn, vướng mắc chung trong quá trình thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng và những đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		28. Khoản 9 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về Điều khoản chuyển tiếp Điều 13 Nghị quyết 190/2025/QH15 quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước	Tại khoản 9 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương về Điều khoản chuyển tiếp và Điều 13 Nghị quyết 190/2025/QH15 quy định về xử lý vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước do Quốc hội ban hành đều có quy định giao cho UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hành chính trong trường hợp cần thiết để giải quyết các vấn đề phát sinh khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Trong khi đó, không quy định cho cấp xã có cơ chế đặc thù này, mặc dù Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung ngày 25/6/2025 đã bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho cấp xã. Như vậy, trong một số trường hợp UBND cấp xã phải ban hành văn bản QPPL (như chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn) nhưng thời điểm hiện tại để ban hành theo hình thức văn bản quy phạm thì không đảm bảo thời gian, trình tự, thủ tục, vì vậy cần có cơ chế đặc thù để cho	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Khoản 9 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định trường hợp cần giải quyết các vấn đề phát sinh khi tổ chức chính quyền địa phương cấp tỉnh và cấp xã thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành văn bản hành chính để hướng dẫn giải quyết các vấn đề phát sinh; đồng thời tổ chức xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh nội dung quy định tại văn bản hành chính hoặc nội dung đã ủy quyền ban hành. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành văn bản hành chính để giải quyết các vấn đề phát sinh ở cấp xã.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			phép UBND cấp xã có thể tạm thời ban hành văn bản hành chính để giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh (tương tự như cấp tỉnh).			
		29. Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025	Điều 14 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định về việc ủy quyền: Nội dung ủy quyền quy định tại Điều 14 Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/06/2025 có sự thay đổi, mở rộng hơn so với trước đây nhưng chưa được pháp luật điều chỉnh cụ thể nên còn khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, thực hiện.	Giải thích luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại Điều 60 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã quy định rõ ràng, cụ thể theo hướng mở rộng phạm vi về ủy quyền. Theo đó, đề nghị áp dụng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương để triển khai thực hiện.	
8	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh	30. Tại khoản 8, Điều 2 Luật Lưu trữ năm 2024	Quy định định nghĩa về Lưu trữ hiện hành là đơn vị, bộ phận thực hiện lưu trữ đối với tài liệu lưu trữ, nội dung này có thể hiểu đang đề cập đến việc lưu trữ tài liệu tại thời điểm hiện tại	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
				Luật Ban hành VBQPPL)		
		31. Tại khoản 2, Điều 12, Luật Lưu trữ năm 2024	Quy định về quản lý tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ lịch sử tuy nhiên không quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh; bên cạnh đó Thông tư 10/2025/TT-BNV hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực nội vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không quy định nội dung nêu trên	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	
		32. Tại khoản 1, Điều 12 Luật Lưu trữ năm 2024 quy định quản lý tài liệu lưu trữ tại lưu trữ hiện hành, bao gồm tài liệu lưu trữ vĩnh viễn	Tại khoản 1, Điều 12 Luật Lưu trữ năm 2024 quy định quản lý tài liệu lưu trữ tại lưu trữ hiện hành, bao gồm tài liệu lưu trữ vĩnh viễn không thuộc trường hợp nộp vào lưu trữ lịch sử	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		không thuộc trường hợp nộp vào lưu trữ lịch sử		Luật Ban hành VBQPPL)		
		33. Tại khoản 5, Điều 15, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu, cụ thể: 5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước quy định cụ thể thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ.	Trước 01/7/2025 (khi Luật Lưu trữ năm 2024 có hiệu lực) việc xác định thời hạn bảo quản của các cơ quan, đơn vị căn cứ Thông tư 10/2022/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản tài liệu. Tuy nhiên, tại khoản 5, Điều 15, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định cụ thể thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi QLNN, do đó hiện nay các Bộ đã ban hành thông tư quy định thời hạn bảo quản đối với tài liệu theo ngành, lĩnh vực riêng (Thông tư 08/2025/TT-BNV quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực Nội vụ; Thông tư 33/2025/TT-BYT quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Y tế...), không đề cập đến nhóm tài liệu dùng chung (quy định tại Thông tư 10/2022/TT-BNV) nên các cơ quan, tổ chức chưa có căn	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			cứ để xác định thời hạn bảo quản tài liệu			
		34. Tại điểm a, khoản 3, Điều 16 Luật Lưu trữ năm 2024 về huỷ tài liệu lưu trữ có quy định nội dung: a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương quyết định huỷ tài liệu lưu trữ sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ; người đứng đầu cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh quyết định huỷ tài liệu lưu trữ sau khi có ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ;	Tại điểm d, khoản 2, Điều 18, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định về cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước, trong đó quy định: d) Cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của trung ương được tổ chức, hoạt động theo ngành dọc ở cấp tỉnh, cấp huyện; doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập; Theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 16 Luật Lưu trữ năm 2024, quy định việc huỷ tài liệu của các cơ quan phải có ý kiến	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			thẩm định của cơ quan tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về lưu trữ, tuy nhiên về thực tế, do không trực tiếp quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ nên rất khó cho cơ quan tham mưu QLNN về lưu trữ cho ý kiến về việc huỷ tài liệu. Vì mỗi cơ quan chuyên môn, ngành đọc lại có một quy định riêng về thời hạn bảo quản tài liệu			
		35. Tại Điều 18, Luật Lưu trữ năm 2024	- Điều 18, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước. Nội dung này, hiện nay đang thực hiện theo quy định tại Thông tư 17/2014/TT-BNV, theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Danh mục nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử cấp tỉnh theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ. Tuy nhiên hiện nay Luật Lưu trữ năm 2024 chưa quy định rõ nội dung này, UBND tỉnh có phải ban hành Quy định danh mục cơ	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>quan thuộc nguồn nộp lưu không?</p> <p>- Hiện nay, sau khi thực hiện sáp nhập các cơ quan, tổ chức, một số đơn vị ngành dọc đã có sự thay đổi về tổ chức bộ máy, hiện nay Luật Lưu trữ chưa có quy định về việc thu tài liệu lưu trữ vĩnh viễn và hủy tài liệu hết thời hạn của các đơn vị này thực hiện như nào. Ví dụ: sau khi thực hiện sáp nhập không còn kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, chỉ còn hệ thống Kho bạc khu vực và các phòng giao dịch, nghiệp vụ, tại Quảng Ninh hiện có 06 phòng giao dịch, 01 phòng nghiệp vụ đều thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực III (trụ sở tại Hải Phòng), vậy việc thu tài liệu lưu trữ vĩnh viễn và hủy tài liệu hết thời hạn của các đơn vị này thực hiện như nào?</p>			
		36. Tại điểm c, d, đ khoản 2, Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 55 Luật Lưu trữ năm 2024	Quy định về cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước, hiện đang quy	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			định các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, cấp xã	rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)		
		37. Tại Chương II, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định về nghiệp vụ lưu trữ	Tại Chương II, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định về nghiệp vụ lưu trữ, mới quy định việc xác định giá trị tài liệu, thời hạn lưu trữ, huỷ tài liệu lưu trữ... Tuy nhiên chưa thể hiện được việc phân loại, sắp xếp, thống kê, lập công cụ tra cứu tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Đây là những vấn đề phát sinh trong quá trình thực thi, không phải điểm nghẽn.	
		38. Tại Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, được sửa đổi tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP quy định	Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, việc thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Nhằm tạo thuận lợi không phải thực hiện nhiều thủ tục, dự thảo Nghị định quy định người sử dụng lao động sẽ nộp văn bản báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài khi nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động nhằm tạo thuận lợi cho người sử dụng lao động (không phải thực hiện nhiều thủ tục) và giảm ít nhất 30%	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập trong thời gian ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm: vị trí và chức danh công việc, mô tả công việc, số lượng, yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, mức lương, thời gian và địa điểm làm việc. Sau khi không tuyển được người lao động Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này”</p>		<p>thời gian xử lý thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 22/CĐ-TTg. Theo phương án này, dự kiến tối đa giảm thời gian cấp giấy phép lao động từ 36 ngày theo lịch còn tối đa 10 ngày làm việc.</p> <p>Dự thảo Nghị định quy định theo hướng lồng ghép thủ tục báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động (khoản 1 Điều 22).</p> <p>Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép lao động tiếp nhận hồ sơ, nếu không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài thì trả lời bằng văn bản (khoản 2 Điều 22); trường hợp chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài thì thực hiện luôn cấp giấy phép lao động (người sử dụng lao động không phải thực hiện thủ tục nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động nữa).</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
9	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị	39. Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	Khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới”. Luật không quy định Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Phó Chủ tịch thực hiện một số nhiệm vụ. Tại khoản 4 Điều 40 của Luật này quy định: “Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phân công theo lĩnh vực, địa bàn công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân và trước pháp luật về các quyết định thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quyền hạn được phân công”. Quy định như trên là không rõ ràng trong việc Chủ tịch UBND tỉnh có được phân công cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền “riêng” được pháp luật quy định cho Chủ tịch	Giải thích luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại Điều 60 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định rõ các chủ thể được nhận ủy quyền. Riêng đối với việc Chủ tịch UBND phân công cho Phó Chủ tịch UBND đã được quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 40 (Phó Chủ tịch UBND thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch UBND phân công theo lĩnh vực, địa bàn công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch UBND và trước pháp luật về các quyết định thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi, quyền hạn được phân công). Theo đó, phạm vi phân công là rất rộng, đã bao hàm nội dung ủy quyền (khoản 9 Điều 14 quy định cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức thay mặt tập thể, ký thay người đứng đầu cơ quan, tổ chức).	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			UBND tỉnh hay không? Hay chỉ được phân công cho Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh theo lĩnh vực, địa bàn công tác? Trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh muốn giao cho Phó Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền “riêng” được pháp luật quy định cho Chủ tịch UBND tỉnh thì thực hiện theo cơ chế nào nếu không được ủy quyền?			
10	Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh	40. Điều 4 Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ Về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Nghị định 204/2004/NĐ-CP về mức lương tối thiểu đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang áp dụng chưa phù hợp với Luật Lao động 2019 trong quy định về mức tiền lương tối thiểu vùng của người lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ. Các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập hiện nay nếu thực hiện ký hợp đồng áp dụng bảng lương theo bảng lương như đối tượng	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Bộ Nội vụ đang báo cáo cấp có thẩm quyền về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (tập trung vào phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các xã, phường, đặc khu sau sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp).	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>công chức, viên chức (Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004) thì mức lương khởi điểm sẽ bị thấp hơn lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, khó tuyển đầu vào. Trường hợp đơn vị áp dụng lương tối thiểu vùng, không áp dụng theo bảng lương tại Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 thì người lao động tại một số vị trí sẽ không được áp dụng chi trả ưu đãi nghề theo Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04/07/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập và áp dụng chi trả phụ cấp đặc thù, phụ cấp chống dịch theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch.</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		41. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ Quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức	Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 hiện chưa có mẫu biểu áp dụng thống nhất trong các bước tiến hành xử lý kỷ luật	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Việc ban hành các văn bản trong các bước tiến hành xử lý kỷ luật được thực hiện bảo đảm không trái quy định tại Nghị định số 172/2025/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức và không trái quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP đối với viên chức.	
		42. Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định: “Trong thời gian thực hiện chế độ tập sự đơn vị sự nghiệp công lập quản lý sử dụng viên chức phải cử viên chức tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp...” Tuy nhiên trong một số ngành trong thời gian tập sự chưa có lớp tổ chức bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Việc ban hành các văn bản trong các bước tiến hành xử lý kỷ luật được thực hiện bảo đảm không trái quy định tại Nghị định số 172/2025/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức và không trái quy định tại Nghị định số 112/2020/NĐ-CP đối với viên chức.	
		43. Điều 19 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP	Quy định về tính toán lại chế độ tinh giản biên chế gây bất bình đẳng giữa các đối tượng do phụ	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục	Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) đã quy định cụ thể về đối tượng được hưởng chính sách	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			thuộc vào thời điểm chi trả, dẫn đến khiếu nại.	rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	nghỉ khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đề bảo đảm tương quan về chính sách, chế độ đối với các đối tượng nghỉ việc do tinh giản biên chế, cơ cấu lại nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thì cần có chính sách chế độ bảo đảm không quá chênh lệch giữa các đối tượng nhận tiền tinh giản biên chế tại cùng thời điểm. Do đó, quy định tại Điều 19 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP nhằm thực hiện mục tiêu này.	
		44. Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đối tượng tinh giản biên chế	Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đối tượng tinh giản biên chế: "3. Lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế trình cấp có	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập đã tự chủ về tài chính, theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp công lập tự chịu trách nhiệm toàn bộ về cơ cấu về tổ chức bộ máy, tài chính, nhân sự (bao gồm tuyển dụng, quản lý, bố trí sử dụng), bảo đảm việc hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>thẩm quyền phê duyệt." - Theo quy định tại khoản này đơn vị có nhiều cách hiểu khác nhau: + Các hiểu thứ nhất: Tất cả các đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm cả đơn vị sự nghiệp nhóm 1,2,3,4 đều phải lập danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Các hiểu thứ hai: Các đơn vị sự nghiệp thuộc nhóm 1,2 có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế còn các đơn vị sự nghiệp thuộc nhóm 3,4 phải gửi danh sách và dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Trường hợp gửi hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ngoài danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế có cần thêm giấy tờ cá nhân của từng đối tượng không? Nếu rõ thành phần hồ sơ cần phải chuẩn bị.</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
11	Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh	45. Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế	Tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP quy định về đối tượng áp dụng tinh giản biên chế như sau: “Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương”. Tại mục 4 Văn bản số 12-CV/BCĐ nêu: “Trường hợp cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã có nhu cầu sử dụng và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cũ có nguyện vọng tiếp tục được làm việc thì cấp ủy, chính quyền địa phương xem xét, bố trí tạm thời vào vị trí hỗ trợ công việc cho hoạt động của hệ thống chính trị của đơn vị hành chính cấp xã mới (cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương) hoặc tham gia các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đến trước ngày 31/5/2026 và tiếp tục được hưởng phụ cấp, các chế độ, chính	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	<p>Tại khoản 4 Kết luận số 163-KL/TW ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã giao Đảng ủy Chính phủ nghiên cứu lộ trình kết dài việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách phù hợp với thời điểm sắp xếp lại thôn, tổ dân phố (trước 31/5/2025).</p> <p>Căn cứ Kết luận số 163-KL/TW nêu trên, Ban Chỉ đạo của Chính phủ đã ban hành Văn bản số 12-CV/BCĐ ngày 20/6/2025, trong đó đã hướng dẫn rõ các trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tiếp tục được bố trí công tác vào các vị trí phù hợp. Trường hợp từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (từ 01/7/2025) cho đến trước ngày 31/5/2026 nếu người hoạt động không chuyên trách có nguyện vọng nghỉ thì vẫn được hưởng chế độ, chính sách theo quy định</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành . Trong thời gian này, nếu người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nghỉ việc thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP". Tuy nhiên, trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tiếp tục được bố trí công tác, sau đó có nguyện vọng nghỉ từ tháng 01/8/2025 đến tháng 01/5/2026 thì chưa xác định được họ có được hưởng chế độ, chính sách theo Điều 9 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP hay không? Đề nghị Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn vấn đề này.</p>		<p>tại Điều 9 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.</p> <p>Việc ban hành Văn bản số 12/BCĐ phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.</p> <p>Hiện nay, Bộ Nội vụ đang xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách (theo đó, dự thảo Nghị định sẽ quy định điều khoản chuyển tiếp để giải quyết các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và liên thông công chức cấp xã theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025.</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
12	Bộ Tư pháp	46. "Pháp luật về cán bộ, công chức: Nghị định 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức 1. Điều 2 Nghị định 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức quy định về đối tượng áp dụng; Điều 9 cùng Nghị định quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của các bên ký kết hợp đồng 2. Tại Điều 5 Nghị định 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức quy định về đối tượng ký kết hợp đồng"	1. Quy định tại Nghị định 173/2025/NĐ-CP về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức về "cá nhân" đang được hiểu bao gồm người nước ngoài, người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người không quốc tịch. "Tổ chức" đang được hiểu bao gồm cả pháp nhân Việt Nam và pháp nhân nước ngoài. 2. Điều 5: Chưa có căn cứ để xác định "chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, lĩnh vực"; "người có kinh nghiệm, am hiểu chuyên môn nghiệp vụ" nên sẽ khó xác định khi lựa chọn cá nhân vào vị trí việc làm.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Việc xác định cá nhân và tổ chức ký kết hợp đồng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Nghị định số 173/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại các Nghị quyết số 57-NQ/TW, 66-NQ/TW và 68-NQ/TW.	
13	Công ty TNHH Canon Việt Nam	47. Điều 7 NĐ 158/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc	(hệ thống ghi nhận "Erro"; không rõ nội dung)	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của	Không rõ kiến nghị	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
				Luật Ban hành VBQPPL)		
14	Bộ Ngoại giao	48. Điều 10, Điều 20 Nghị định 170/2025/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	Quy định về thẩm quyền tuyển dụng và bố trí công chức chưa phù hợp với cơ chế biệt phái, luân chuyển cán bộ của Bộ Ngoại giao.	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Theo quy định tại Điều 20 Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Điều 66 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan quản lý công chức khác có quyền Phân cấp, ủy quyền cho cơ quan sử dụng công chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện các nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 64 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan sử dụng công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025. Căn cứ quy định nêu trên và đặc thù ngành, lĩnh vực, Bộ Ngoại giao ban hành quy chế về tuyển dụng và bố trí công chức thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		49. Điều 12 Nghị định 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức	Chưa có hướng dẫn rõ về chương trình đào tạo, bồi dưỡng riêng phù hợp với công chức biệt phái tại cơ quan đại diện ở nước ngoài.	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	<p>Căn cứ Điều 28 và Điều 29 Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Bộ Nội vụ đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (để thay thế các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về chương trình đào tạo đối với công chức: Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo. - Về chương trình bồi dưỡng công chức: <p>+ Đối với chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với lãnh đạo, quản lý: Tại khoản 2 Điều 17, khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP, Chính phủ giao Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhà</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý gửi Bộ Nội vụ thẩm định, ban hành và quản lý. Hiện nay, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đang khẩn trương xây dựng Kế hoạch và tổ chức biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý.	
		50. Điều 8, Điều 16 Nghị định 172/2025/NĐ-CP quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức	Quy định về xử lý kỷ luật chưa tính đến đặc thù môi trường làm việc tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Chưa rõ nội dung phản ánh Bộ Nội vụ tiếp nhận đề xuất và sẽ nghiên cứu trong quá trình tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 172/2025/NĐ-CP.	
15	Bộ Xây dựng	51. Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công	Việc xác định hệ số phụ cấp lương của chức danh, công việc theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH hết sức khó khăn, không có hướng dẫn cụ thể khi xác định các hệ số điều chỉnh tăng thêm	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của	Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH thì chi phí tiền lương đối với lao động trực tiếp sản xuất, lao động chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ được xác định trên cơ	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện	tiền lương, đặc biệt là các loại phụ cấp như nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; phụ cấp khu vực; phụ cấp lưu động; phụ cấp trách nhiệm công việc; phụ cấp chức vụ; phụ cấp thu hút và hệ số không ổn định sản xuất do không có hướng dẫn cụ thể nên rất khó có cơ sở để xác định đúng các chi phí này.	Luật Ban hành (VBQPPL)	số định mức lao động, hệ số lương cấp bậc công việc, hệ số phụ cấp lương, mức lương cơ sở và hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương, trong đó hệ số lương cấp bậc công việc của từng loại lao động theo định mức kinh tế kỹ thuật được xác định theo quy định tại Thông tư này; đối với hệ số phụ cấp lương và hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương, Thông tư chỉ quy định nguyên tắc chung để xác định, mức cụ thể trao quyền chủ động cho bộ, ngành, địa phương căn cứ vào tình hình thực tế của từng sản phẩm, dịch vụ công cụ thể, khả năng ngân sách địa phương, mặt bằng tiền lương trên thị trường để xác định cho phù hợp. Việc quy định nêu trên đã tạo thuận lợi cho Bộ, ngành, địa phương chủ động trong việc quy định, hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công đối với sản phẩm,	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý.	
16	Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	52. Điều 11 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Điều 11 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP, quy định: “Điều 11. Vị trí và chức năng của phòng 1. Phòng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật. 2. Phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập và công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.” Theo đó, Nghị định không quy định các phòng	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Ngày 26/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 190/NQ-CP1 đã quy định các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã có con dấu để thực hiện nhiệm vụ được giao; theo đó, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an ban hành Văn bản số 4276/C06-P2 ngày 27/6/2025 hướng dẫn về hồ sơ đăng ký mẫu con dấu mới của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ về tài chính - ngân sách, nhất là đối với cấp xã (tại Văn bản số 6248/VPCP-KTTH ngày 05/7/2025 của	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>chuyên môn có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Tuy nhiên, Thông tư của một số bộ, ngành quy định cụ thể các phòng chuyên môn cấp xã có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng (Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng...), Thông tư của một số Bộ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã (như: Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Tư pháp, Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) không quy định rõ các phòng chuyên môn có con dấu, tài khoản. Do các quy định chưa rõ ràng nên dẫn đến khó khăn trong việc quy định các nhiệm vụ cần phân cấp đến các phòng chuyên môn cấp xã trong các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Bên cạnh đó, hiện nay các xã đang đi vào hoạt động một số quy định về phân quyền mới còn mang tính tổng thể, thiếu văn bản</p>		<p>Văn phòng Chính phủ). Do đó, việc sử dụng tài khoản của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp xã thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2024) và văn bản hướng dẫn thi hành (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính).</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			hướng dẫn chi tiết, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa sát với thực tiễn của từng đơn vị. Một số công chức còn lúng túng trong việc tham mưu, xác định thẩm quyền giải quyết công việc.			
17	Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	53. Điểm c, d và đ khoản 1 Điều 14 Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế.	Nghị định quy định: “Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh c) Chỉ đạo Sở Nội vụ thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; d) Chỉ đạo Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện việc chi trả chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định; đ) Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế (bao gồm số đối tượng tinh giản biên chế, số tiền trợ cấp cho từng đối tượng tinh giản biên chế quy định tại khoản	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ và Sở Tài chính. Do đó, việc giao Sở Nội vụ thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế và Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ và Sở Tài chính.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>3 Điều 12 Nghị định này), dự kiến kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế năm sau liền kề, chỉ đạo Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế để tổng hợp chung vào nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách nhà nước của năm sau liền kề của địa phương;" Giải trình: (1) căn cứ xác định tiền lương để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế: tại điều 5 Nghị định 154/2025/NĐ-CP quy định: "1) Tiền lương hiện hưởng để tính trợ cấp là tiền lương tháng liền kề trước khi tinh giản biên chế, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận của hợp đồng lao động hoặc mức lương của người quản lý công ty; các khoản phụ cấp lương 2) Phụ cấp hàng tháng hiện hưởng của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố là phụ cấp của tháng liền kề trước khi nghỉ việc do ngân</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>sách trung ương khoản quỹ phụ cấp để chi trả...” (2) Tại điểm a khoản 7, điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19/6/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ: - “Về thực hiện chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp và tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập: a) Quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các chế độ chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”. -“Về cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách: a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>dân cấp tỉnh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với người hoạt động không chuyên trách theo quy định của Đảng, của pháp luật và quy định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;” Từ điều (2) Sở Nội vụ là cơ quan thẩm định, quyết định các chính sách tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được Bộ Nội vụ quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BNV; đây là các điều kiện, cơ sở để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế theo khi thực hiện chế độ theo quy định tại Nghị định 154/2025/NĐ-CP. Do đó, việc giao Sở Tài chính là cơ quan thẩm định kinh phí cho các đối tượng như quy định tại Nghị định 154/2025/NĐ-CP không đảm bảo cơ sở thực hiện, không hợp lý theo chức năng nhiệm vụ được giao, gây khó khăn, chậm trễ và</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			để gặp sai sót trong quá trình thẩm định chính sách.			
18	Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	54. Khoản 1, Điều 5 Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 quy định tuổi nghỉ hưu	Trong quá trình nghiên cứu thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025), Sở Nội vụ gặp khó khăn, vướng mắc trong việc xác định đối tượng là có thời gian công tác làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, cụ thể: Theo Khoản 1, Điều 5 Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 quy định tuổi nghỉ hưu: “1. Người lao động thuộc các trường hợp dưới đây có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn nhưng không quá 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Điều 4 của	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Chưa rõ phản ánh nội dung vướng mắc kiến nghị.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>Nghị định này tại thời điểm nghỉ hưu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác: a) Người lao động có từ đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. b) Người lao động có từ đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, theo Công văn số 1814/BNV-TCBC ngày 26/4/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, 67/2025/NĐ-CP: “Các trường hợp có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm cả thời gian làm việc ở</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021 đủ điều kiện nghỉ hưu theo Phụ lục II, Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ thì không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP).” Như vậy, đối với những người làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hay làm nghề nặng nhọc độc hại nguy hiểm từ 15 năm trở có thể nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn và đã đủ tuổi nghỉ theo Phụ lục II nhưng khi họ tiếp tục làm việc thì họ nghỉ lúc nào cũng được hưởng ngay lương hưu, nhưng không được chọn nghỉ theo Phụ lục I để được hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, 67/2025/NĐ-CP.</p>			
19	Công Ty Luật BIZLINK	55. Điểm b khoản 9 Điều 9 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 quy định về người lao động	Điểm b khoản 9 Điều 9 Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định như sau: “Đối với người lao động nước ngoài đã được cấp	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật	Tại điểm b khoản 9 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đã dùng từ “hoặc” khi có thay đổi (i) vị trí công việc, (ii)	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (NĐ 152/2020/NĐ-CP)	giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà thay đổi vị trí công việc hoặc chức danh công việc ghi trong giấy phép lao động theo quy định của pháp luật nhưng không thay đổi người sử dụng lao động thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động mới gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này và giấy phép lao động hoặc bản sao có chứng thực giấy phép lao động đã được cấp.” Từ quy định trên, có thể có các cách hiểu khác nhau liên quan đến các trường hợp được phép áp dụng điểm b khoản 9 Điều 9 Nghị định 152/2020/NĐ-CP như sau: - Cách hiểu 1: Quy định này chỉ áp dụng khi thay đổi chỉ một trong các nội dung bao gồm: (i) vị trí công việc; hoặc (ii) chức danh công việc; hoặc (iii) hình thức làm việc ghi trong giấy phép lao động. - Cách hiểu 2: Quy định này được áp dụng khi thay đổi vị trí công việc hoặc chức danh công việc hoặc hình thức làm	Ban hành VBQPPL năm 2025	chức danh công việc, (iii) hình thức làm việc có nghĩa là khi người lao động nước ngoài thay đổi 1 trong 3 nội dung nêu trên thì được phép cấp giấy phép lao động theo trường hợp đặc biệt được đơn giản hóa một số giấy tờ.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			việc ghi trong giấy phép lao động và có thể được áp dụng khi thay đổi cùng lúc các nội dung trên (ví dụ như cùng lúc thay đổi cả vị trí công việc và chức danh công việc). Khi áp dụng quy định này để thực hiện xin cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài (cùng lúc thay đổi vị trí công việc và chức danh công việc), một số chuyên viên Sở Nội vụ cũng cách hiểu không thống nhất liên quan đến nội dung này.			
20	Sở Tư pháp thành phố Hà Nội	56. Tại Khoản 3 Điều 7/Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam	Tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định: “Di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi 11 ngành dịch vụ trong biểu cam kết dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới, bao gồm: kinh doanh, thông tin, xây dựng, phân phối, giáo dục, môi trường, tài chính, y tế, du lịch, văn hóa giải trí và vận tải.”. Tuy nhiên chưa quy định cụ thể những	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Hiện nay, Bộ Nội vụ đang trình Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định số 152/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP trong đó tại khoản 4 Điều 36 về trách nhiệm của Bộ Công Thương được giao “Hướng dẫn việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			ngành dịch vụ (CPC) nào được miễn cấp giấy phép lao động.		Nam với Tổ chức Thương mại thế giới”.	
21	Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh	57. Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP quy định: “Điều 19. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: 3. Chỉ đạo cơ quan Nội vụ, cơ quan Tài chính thẩm định danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và quyết định theo thẩm quyền phân cấp; trên cơ sở đó, thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ việc theo đúng quy định”. Quy định “cơ quan Nội vụ, cơ quan Tài chính” như trên làm cho quy định không rõ ràng, dẫn đến các cách hiểu khác nhau, do đó gây khó khăn khi áp dụng, thực hiện quy định, cụ thể như sau: - Cách hiểu 1: cơ quan Nội vụ, cơ quan Tài chính tại khoản 3 Điều 19 là Sở Nội vụ, Sở Tài chính. - Cách hiểu 2: cơ quan Nội vụ, cơ quan Tài chính tại khoản	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP), không phải quy định về thẩm quyền của cơ quan Nội vụ.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>3 Điều 19 sẽ phụ thuộc vào pháp luật về phân cấp, thẩm quyền theo phân cấp tại thời điểm đó. Ví dụ: Trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, một số thẩm quyền liên quan đến sử dụng và quản lý công chức do Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định, như vậy, cơ quan Nội vụ thẩm định danh sách theo thẩm quyền phân cấp nêu tại khoản 3 Điều 19 là Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị thực hiện công tác nội vụ thuộc các Sở, ban, ngành Thành phố. Sau ngày 01 tháng 7 năm 2025, thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thẩm quyền liên quan đến sử dụng và quản lý công chức do Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, như vậy, cơ quan Nội vụ thẩm định danh sách theo thẩm quyền phân cấp nêu tại khoản 3 Điều 19 là đơn vị thực hiện công tác nội vụ thuộc các Sở, ban, ngành</p>			

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			Thành phố (đối với công chức thuộc phạm vi được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý) và Ủy ban nhân dân Thành phố.			
		58. Khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	Khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP quy định: Điều 19. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2. Chỉ đạo, hướng dẫn người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập danh sách đối tượng thuộc diện phải nghỉ việc và các trường hợp tự nguyện có đơn xin nghỉ việc áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7, Điều 9 và Điều 10, lập dự toán kinh phí thực hiện; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý. 3. Chỉ đạo cơ quan Nội vụ, cơ quan Tài chính thẩm định danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và quyết định theo thẩm quyền phân cấp; trên cơ sở đó, thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên	Hướng dẫn áp dụng VBQPPL theo quy định tại Điều 61 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025	Tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP), không phải quy định về thẩm quyền của cơ quan Nội vụ.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>chức được nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ việc theo đúng quy định. Quy định như trên dẫn đến 02 cách hiểu khác nhau, cụ thể: - Cách hiểu 1: khoản 2 và khoản 3 Điều 19 quy định về thẩm quyền. Đối với cách hiểu này thì cơ quan Nội vụ tại khoản 3 có thể ủy quyền cho cơ quan khác để thực hiện nhiệm vụ nêu tại khoản 3 Điều 19 ở trên. - Cách hiểu 2: khoản 2 và khoản 3 Điều 19 quy định về trình tự, thủ tục giải quyết chính sách, chế độ, do đó cơ quan Nội vụ tại khoản 3 không thể ủy quyền cho cơ quan khác để thực hiện nhiệm vụ nêu tại khoản 3 Điều 19 ở trên.</p>			
		<p>59. Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực</p>	<p>Theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH, trường hợp "nghỉ hưởng chế độ thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Riêng đối với trường hợp nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là giấy</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của</p>	<p>Khoản 1 Điều 52 Luật Việc làm quy định trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, hằng tháng người lao động phải trực tiếp thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp về việc tìm kiếm việc làm, trừ các trường hợp người</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		<p>hiện điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp</p>	<p>khai sinh của con và giấy chứng tử của mẹ" là một trong các trường hợp người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không phải trực tiếp thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm. Trong trường hợp này "người lao động phải thông tin cho trung tâm dịch vụ việc làm (thông qua điện thoại, thư điện tử, fax, ...) về lý do không phải trực tiếp đến thông báo và trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của thời hạn thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm theo quy định, đồng thời gửi thư bảo đảm hoặc ủy quyền cho người khác nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ nêu trên chứng minh thuộc trường hợp không phải thông báo trực tiếp đến trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp,...". Quy định này gây khó khăn cho người lao động vì để chứng minh thuộc trường hợp không phải thông báo trực tiếp đến trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ</p>	<p>Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>lao động ốm đau, thai sản, tai nạn có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền và trường hợp bất khả kháng.</p> <p>Mục đích của việc quy định yêu cầu người lao động trực tiếp thông báo tìm kiếm việc làm trong thời gian hưởng TCTN không chỉ hỗ trợ các cơ quan thực hiện dễ dàng hơn trong việc giám sát và theo dõi tình trạng việc làm của người lao động, hạn chế lạm dụng tiền trợ cấp, đảm bảo và duy trì sự công bằng giữa những người tham gia và thụ hưởng mà còn kịp thời hỗ trợ và thúc đẩy người lao động tích cực tìm kiếm việc làm thông qua hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm hoặc tư vấn học nghề để nhanh chóng hỗ trợ người lao động quay lại thị trường lao động. Mặt khác, để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, hỗ trợ người lao động ổn định cuộc</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			cấp thất nghiệp thì người lao động phải nộp 06 tờ bản chính hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ nêu trên.		<p>sống thì chính sách BHTN cần tập trung vào các chế độ hỗ trợ người lao động duy trì việc làm và các chế độ hỗ trợ người lao động quay lại thị trường lao động khi gặp rủi ro mất việc làm. Vì vậy, việc giám sát chặt chẽ tình trạng việc làm của người lao động, kịp thời tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động để hỗ trợ và thúc đẩy người lao động nhanh chóng tìm kiếm việc làm mới là rất cần thiết để vận hành chính sách đúng định hướng.</p> <p>Do đó, đối với các trường hợp người lao động không phải trực tiếp thông báo hằng tháng thì cần có đủ giấy tờ pháp lý để chứng minh thuộc trường hợp không phải thông báo trực tiếp. Trường hợp người lao động là nam giới có vợ chết sau khi sinh con mà phải trực tiếp nuôi dưỡng con thì giấy tờ xác nhận là 02 giấy tờ bao gồm bản chính hoặc bản sao</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					<p>cơ chức thực giấy khai sinh của con và giấy chứng tử của mẹ, là những giấy tờ cơ bản nên không gây khó khăn cho người lao động.</p> <p>Để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động, hiện nay, thủ tục thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng đang được thực hiện thí điểm trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, theo đó, người lao động không phải gửi giấy tờ đến trung tâm dịch vụ việc làm mà thực hiện thông báo trực tuyến trên cổng dịch vụ công Quốc gia kèm theo bản scan giấy tờ chứng minh không thuộc đối tượng thông báo trực tiếp.</p> <p>Do đó, Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định hiện nay.</p>	
		60. Điểm c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Lao	Điểm c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH quy định: Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có việc làm thuộc	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo	Thực tế, có nhiều trường hợp người sử dụng lao động không cung cấp kịp thời hợp đồng lao động để người lao động thực	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
		<p>động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Điều 52 Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp</p>	<p>trường hợp giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã thực hiện thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định nhưng chưa có bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc thì phải có cam kết thể hiện nội dung về ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã giao kết có hiệu lực, lý do chưa cung cấp được bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc và nộp bổ sung bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Quy định này gây khó khăn trong việc quản lý và theo dõi hồ sơ vì không biết khi nào người lao động nộp bổ sung hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.</p>	<p>trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)</p>	<p>hiện thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp tương ứng với thời gian chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Do đó, điểm c khoản 4 Điều 1 Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH quy định như vậy nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động khi chưa có giấy tờ để thực hiện thủ tục chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp còn lại. Mặt khác, khi người lao động ký hợp đồng lao động thì cơ quan bảo hiểm xã hội sẽ có dữ liệu tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động và phối hợp với cơ quan giải quyết để xác định ngày có việc làm của người lao động. Hiện nay, việc thực hiện thủ tục này tại các địa phương không phát sinh vướng mắc. Do đó, Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên quy định như hiện nay để đảm bảo quyền lợi của</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					người lao động trong quá trình hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
22	Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng	61. Về quy định thẩm quyền khen thưởng và thẩm quyền xây dựng tiêu chí đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ xét khen thưởng đại biểu HĐND	Qua theo dõi: Chức năng, nhiệm vụ và vai trò của mỗi đại biểu dân cử là giám sát việc tổ chức thực thi chính sách, pháp luật của UBND, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND và cá nhân Chủ tịch UBND cùng cấp; UBND là cơ quan chấp hành của HĐND nhưng Chủ tịch UBND lại là người có thẩm quyền ký quyết định khen thưởng đối với đại biểu HĐND cùng cấp. Thẩm quyền này tuy bảo đảm sự thống nhất với nguyên tắc quản lý công tác khen thưởng, chức năng, nhiệm vụ UBND nhưng theo ý kiến của đa số HĐND các địa phương thì quy định như vậy là bất hợp lý. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 (có hiệu lực ngày 01/01/2024) vẫn chưa phân định thẩm quyền của HĐND, Chủ tịch HĐND các cấp trong việc khen thưởng đại biểu HĐND, các cơ quan của HĐND	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	(i) Phản ánh này không thuộc nội dung không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật (do đây là đề xuất bổ sung thêm thẩm quyền khen thưởng) (ii) Bộ Nội vụ sẽ ghi nhận trong quá trình hoàn thiện pháp luật về thi đua, khen thưởng.	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			(hàng năm, đột xuất và cuối nhiệm kỳ) và xây dựng tiêu chí đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu để làm căn cứ xét khen thưởng nhằm đảm bảo tính độc lập với thẩm quyền của UBND. Đề xuất xem xét sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp hoặc hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện thống nhất đối với nội dung này.			
23	Sở Tư pháp tỉnh An Giang	62. Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.	- Đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ Quản lý và vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN trên địa bàn tỉnh. Điều kiện làm việc thực tế tại các Hệ thống phải thường xuyên tiếp xúc với hóa chất xử lý nước thải; Bên cạnh đó, việc sửa chữa, bảo trì các máy móc thiết bị khá nặng nhọc, nguy hiểm. - Tại Điều 1 của Thông tư đã liệt kê Danh mục Tên và Đặc điểm điều kiện lao động của các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Điều 2 Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH quy định: “Hàng năm, các bộ quản lý ngành, lĩnh vực, người sử dụng lao động chủ động rà soát, đánh giá Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo phương pháp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định để đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
			<p>hiểm. Tuy nhiên, Thông tư chưa thể hiện và quy định cụ thể đối với công việc Vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp. Do đó, không có cơ sở chi hỗ trợ phụ cấp độc hại, nguy hiểm cho viên chức.</p>		<p>học công nghệ và quản lý trong từng thời kỳ”.</p> <p>Để bổ sung các nghề, công việc vào Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (sau đây gọi tắt là Danh mục nghề) cần phải có số liệu đo, đánh giá để đảm bảo tính khách quan và tuân thủ quy định pháp luật.</p> <p>Hiện nay, Sở Tư pháp tỉnh An Giang mới có ý kiến đề xuất bổ sung nghề, công việc “Quản lý và vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các KCN” là nghề nặng nhọc, nguy hiểm nhưng chưa có hồ sơ đo, đánh giá theo phương pháp được ban hành tại Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTĐBXH ngày 11/2/2025 nên không có cơ sở pháp lý để khẳng định đây có phải là nghề, công việc NNĐHNH hay không để thực hiện việc sửa đổi, bổ sung vào Danh mục nghề. Bộ Nội vụ sẽ</p>	

STT	Cơ quan, tổ chức rà soát, phản ánh	Điều, khoản, điểm, tên văn bản đề xuất xử lý	Nội dung quy định được phản ánh không rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật	Phương án xử lý được đề xuất	Ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung rà soát, phản ánh	Ghi chú
					tiến hành xem xét, đánh giá khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá theo quy định tại Thông tư số 03/2025/TT-BLĐTBXH và đề xuất chuyển nhóm kiến nghị này sang nhóm C.	
24	Bộ Công an	63. Điều 1 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 Ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	1. Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đã quy định danh mục phương tiện PCCC, CNCH thuộc diện cấp giấy phép lưu thông. 2. Tại Điều 1 Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH quy định danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trong đó có phương tiện PCCC thuộc mục III.	Sửa đổi, bổ sung, thay thế, ban hành mới VBQPPL (theo trình tự, thủ tục rút gọn ban hành VBQPPL của Luật Ban hành VBQPPL)	Bộ Nội vụ đã thống nhất với Bộ Tư pháp về việc đây không phải khó khăn, vướng mắc.	